



ĐỀ CHÍNH THỨC
Đề có 04 trang

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: Cho α là góc tù. Mệnh đề nào **đúng** trong các mệnh đề sau?

- A. $\sin \alpha < 0$. B. $\tan \alpha < 0$. C. $\cot \alpha > 0$. D. $\cos \alpha > 0$.

Câu 2: Trong các tập sau đây, tập hợp nào có đúng hai tập hợp con?

- A. $\{x\}$. B. $\{x; y\}$. C. $\{\emptyset; x\}$. D. $\{\emptyset; x; y\}$.

Câu 3: Các phần tử của tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid 2x^2 - 5x + 3 = 0\}$ là:

- A. $A = \left\{1; \frac{3}{2}\right\}$ B. $A = \left\{\frac{3}{2}\right\}$ C. $A = \{0\}$. D. $A = \{1\}$.

Câu 4: Tìm mệnh đề phủ định của mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{R} : x^2 > x$ ".

- A. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 \leq x$. B. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 > x$. C. $\forall x \in \mathbb{R} : x^2 \leq x$. D. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 < x$

Câu 5: Trong các đẳng thức sau đây, đẳng thức nào **sai**?

- A. $\sin 60^\circ + \cos 60^\circ = 1$. B. $\sin 90^\circ + \cos 90^\circ = 1$.
C. $\sin 180^\circ + \cos 180^\circ = -1$. D. $\sin 0^\circ + \cos 0^\circ = 1$.

Câu 6: Cho hệ bất phương trình
$$\begin{cases} 2x - 5y - 1 > 0 \\ 2x + y + 5 > 0 \\ x + y + 1 < 0 \end{cases}$$
. Trong các điểm sau, điểm nào thuộc miền nghiệm của hệ bất phương trình?

- A. $N(0; -2)$ B. $P(0; 2)$ C. $M(1; 0)$ D. $O(0; 0)$

Câu 7: Một tam giác có ba cạnh là 13, 14, 15. Diện tích tam giác bằng bao nhiêu ?

- A. 84 B. $\sqrt{84}$ C. 42 D. $\sqrt{168}$.

Câu 8: Điểm $A(-1; 3)$ là điểm thuộc miền nghiệm của bất phương trình:

- A. $3x - y > 0$ B. $x + 3y < 0$ C. $-3x + 2y - 4 > 0$ D. $2x - y + 4 > 0$

Câu 9: Bất phương trình nào sau đây là bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $x + y^2 \geq 0$ B. $x^2 + y^2 < 2$ C. $2x^2 + 3y > 0$ D. $x + y \geq 0$

Câu 10: Cho hai tập hợp $A = \{0; 2; 3; 5\}$ và $B = \{2; 7\}$. Khi đó:

- A. $A \cap B = \{0; 2; 3; 5; 7\}$. B. $A \cap B = \{2\}$.
C. $A \cap B = \{2; 5\}$. D. $A \cap B = \emptyset$.

Câu 11: Trong các mệnh đề sau, tìm mệnh đề **đúng**?

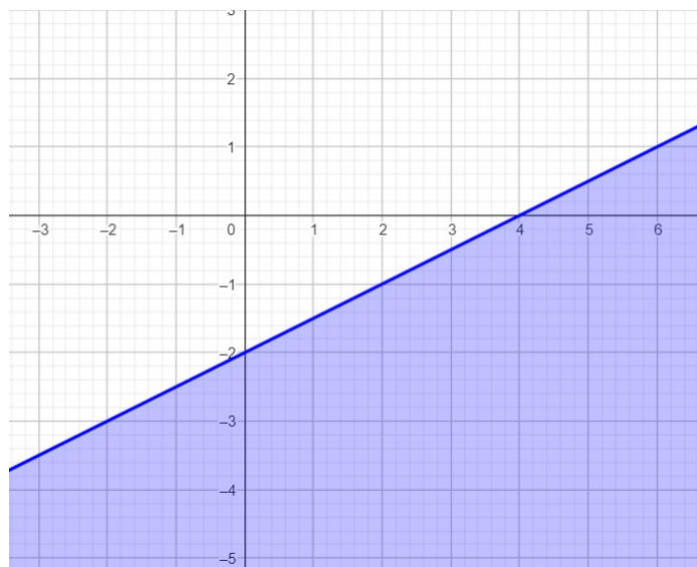
- A. $\forall x \in \mathbb{R} : x^2 > 0$. B. $\exists x \in \mathbb{R} : x > x^2$ C. $\forall x \in \mathbb{R} : -x^2 < 0$. D. $\forall x \in \mathbb{N} : x : 3$.

Câu 12: Trong các cặp số sau đây, cặp nào **không** thuộc miền nghiệm của bất phương trình: $x - 4y + 5 > 0$

- A. $(1; -3)$ B. $(2; 1)$ C. $(0; 0)$ D. $(-5; 0)$

Câu 13: Phần **tô đậm** trong hình vẽ sau (kể cả bờ), biểu diễn tập nghiệm của bất phương

trình nào trong các bất phương trình sau?



A. $x - 2y < 4$

B. $x - 2y \geq 4$

C. $2x - y < 4$

D. $2x - y \geq 4$

Câu 14: Mệnh đề $P \Rightarrow Q$ còn được phát biểu:

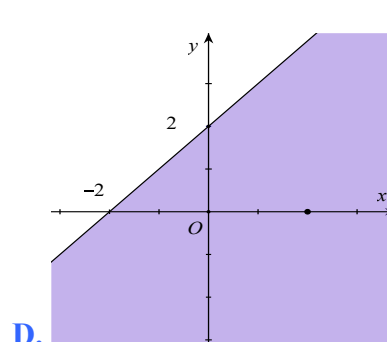
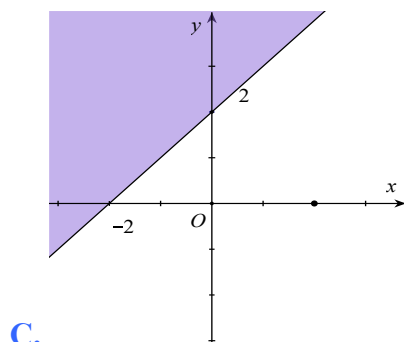
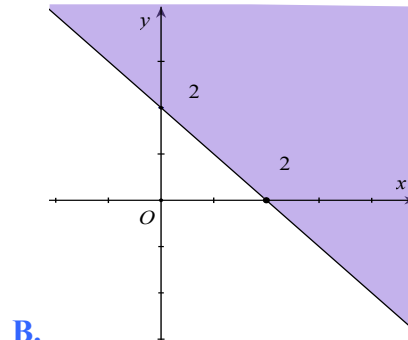
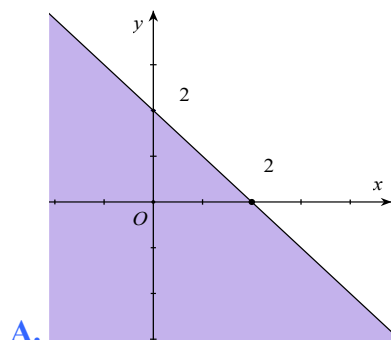
A. P là điều kiện cần và đủ để có Q

B. P là điều kiện cần để có Q

C. Q là điều kiện đủ để có P

D. P là điều kiện đủ để có Q

Câu 15: Miền nghiệm của bất phương trình $x + y \leq 2$ là phần **tô đậm** của hình vẽ nào trong các hình vẽ sau?



Câu 16: Cho hai tập hợp $A = \{2; 4; 6; 9\}$, $B = \{1; 2; 3; 4\}$. Tập hợp $A \setminus B$ bằng tập hợp nào sau đây?

A. $\{6; 9; 1; 3\}$.

B. $\{1; 3\}$.

C. $\{6; 9\}$.

D. $\{2; 4\}$.

Câu 17: Phủ định của mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{R}, 5x - 3x^2 = 1$ " là:

A. " $\forall x \in \mathbb{R}, 5x - 3x^2 \neq 1$ ".

B. " $\exists x \in \mathbb{R}, 5x - 3x^2 > 1$ ".

C. " $\exists x \in \mathbb{R}, 5x - 3x^2 \geq 1$ ".

D. " $\forall x \in \mathbb{R}, 5x - 3x^2 = 1$ ".

Câu 18: Bất đẳng thức nào dưới đây là **đúng**?

A. $\sin 90^\circ < \sin 100^\circ$. B. $\cos 95^\circ > \cos 100^\circ$. C. $\tan 85^\circ < \tan 125^\circ$. D. $\cos 145^\circ > \cos 125^\circ$.

Câu 19: Điểm $M(0; -3)$ thuộc miền nghiệm của hệ bất phương trình nào sau đây?

- A. $\begin{cases} 2x - y > 3 \\ 2x + 5y \leq 12x + 8 \end{cases}$ B. $\begin{cases} 2x - y \leq 3 \\ 2x + 5y \leq 12x + 8 \end{cases}$ C. $\begin{cases} 2x + y > -3 \\ 2x + 5y \leq 12x + 8 \end{cases}$ D. $\begin{cases} 2x - y \leq -3 \\ 2x + 5y \geq 12x + 8 \end{cases}$

Câu 20: Cho hai tập hợp $E = \{-1; 3; 4; 5\}$, $F = \{-1; 2; 4; 6\}$. Tập hợp $E \cup F$ bằng tập hợp nào sau đây?

- A. $\{-1; 4\}$. B. $\{3; 5\}$. C. $\{-1; 2; 3; 4; 5; 6\}$. D. $\{-1; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

Câu 21: Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $\cos(180^\circ - \alpha) = \cos \alpha$. B. $\cot(180^\circ - \alpha) = -\cot \alpha$.
C. $\sin(180^\circ - \alpha) = \sin \alpha$. D. $\tan(180^\circ - \alpha) = -\tan \alpha$.

Câu 22: Mệnh đề đảo của mệnh đề $Q \Rightarrow P$ là mệnh đề nào?

- A. $Q \Rightarrow \bar{P}$ B. $P \Rightarrow \bar{Q}$ C. $P \Rightarrow \bar{Q}$ D. $P \Rightarrow Q$

Câu 23: Cho A là một tập hợp khác rỗng. Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

- A. $A \cap A = A$. B. $A \cup \emptyset = \emptyset$ C. $\emptyset \subset A$. D. $A \subset A$.

Câu 24: Mệnh đề nào sau đây là phủ định của mệnh đề: “Mọi động vật đều di chuyển”.

- A. Có ít nhất một động vật không di chuyển.
B. Mọi động vật đều đứng yên.
C. Có ít nhất một động vật di chuyển.
D. Mọi động vật đều không di chuyển.

Câu 25: Cho tam giác ABC có $\hat{B} = 60^\circ$, $\hat{C} = 45^\circ$, $AB = 5$. Hỏi độ dài cạnh AC bằng bao nhiêu ?

- A. $\frac{5\sqrt{6}}{2}$ B. $5\sqrt{3}$ C. $5\sqrt{2}$ D. 10

Câu 26: Cho tam giác ABC có $\hat{A} = 60^\circ$, $b = 10$, $c = 6$. Độ dài cạnh a là :

- A. $10\sqrt{3}$ B. $2\sqrt{19}$ C. 8 D. 76

Câu 27: Giá trị của $B = \cos^2 73^\circ + \cos^2 87^\circ + \cos^2 3^\circ + \cos^2 17^\circ$ là

- A. $\sqrt{2}$. B. 2. C. -2. D. 1.

Câu 28: Hệ bất phương trình nào sau đây là hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $\begin{cases} x < 0 \\ \frac{x}{y} \geq 0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x + y^2 < 0 \\ y - x > 1 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x + y + z < 0 \\ y < 0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} -2x + y < 3 \\ 3x - y < 1 \end{cases}$

II- PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm)

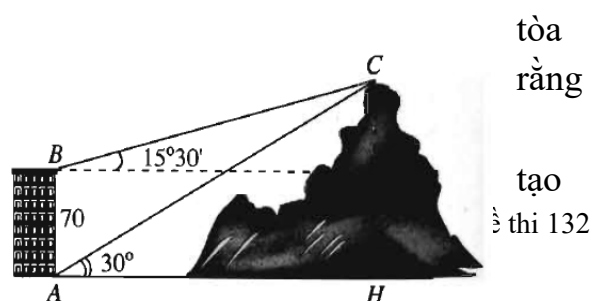
Cho hai tập hợp $A = (-\infty; 3]$ và $B = (-4; +\infty)$. Xác định $A \cap B$; $A \cup B$; $A \setminus B$; $C_{\mathbb{R}} B$.

Bài 2: (1,0 điểm)

Cho x, y thỏa mãn hệ bất phương trình $\begin{cases} x + 2y - 10 \leq 0 \\ 2x + y - 8 \leq 0 \\ x \geq 0 \\ y \geq 0 \end{cases}$. Tìm giá trị lớn nhất $P_{\max}$ của biểu

thức $P = (x; y) = x + 4y - 2$.

Bài 3: (1,0 điểm) Từ hai vị trí A và B của một nhà, người ta quan sát đỉnh C của ngọn núi. Biết độ cao $AB = 70\text{m}$, phương nhìn AC tạo với phương nằm ngang góc 30° , phương nhìn BC



tòa
ràng

tạo
thi 132

với phương nằm ngang góc $15^{\circ}30'$. Ngọn núi đó có độ cao so với mặt đất bằng bao nhiêu mét? (Kết quả làm tròn đến mét).

----- **HẾT** -----



ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề có 04 trang

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: Tính giá trị của biểu thức $P = \sin 30^\circ \cos 60^\circ + \sin 60^\circ \cos 30^\circ$.

- A. $P = -\sqrt{3}$. B. $P = \sqrt{3}$. C. $P = 0$. D. $P = 1$.

Câu 2: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 8\}$. Tập hợp A có tất cả bao nhiêu tập hợp con?

- A. 3. B. 7. C. 8. D. 6.

Câu 3: Hãy liệt kê các phần tử của tập $X = \{x \in \mathbb{R} \mid x^2 + x + 1 = 0\}$.

- A. $X = \{\emptyset\}$. B. $X = \emptyset$. C. $X = 0$. D. $X = \{0\}$.

Câu 4: Phủ định của mệnh đề " $\exists x \in \mathbb{Q} : 2x^2 - 5x + 2 = 0$ " là :

- A. " $\forall x \in \mathbb{Q} : 2x^2 - 5x + 2 \neq 0$ ". B. " $\exists x \in \mathbb{Q} : 2x^2 - 5x + 2 \neq 0$ ".

- C. " $\exists x \in \mathbb{Q} : 2x^2 - 5x + 2 > 0$ ". D. " $\forall x \in \mathbb{Q} : 2x^2 - 5x + 2 = 0$ ".

Câu 5: Cho biết $\sin \alpha < 0$. Điều khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. $0^\circ \leq \alpha \leq 90^\circ$. B. $90^\circ \leq \alpha \leq 180^\circ$. C. $180^\circ \leq \alpha \leq 270^\circ$. D. $180^\circ < \alpha < 360^\circ$.

Câu 6: Hệ bất phương trình nào sau đây là hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $\begin{cases} x + y < 0 \\ y - 2x < 0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} -2x + y < 3^2 \\ 3x^3 - y < 1 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x \cdot y^2 < 0 \\ y - x > 1 \end{cases}$ D. $\begin{cases} x < 0 \\ \sqrt{x} + 2y \geq 0 \end{cases}$

Câu 7: Tam giác với ba cạnh là 5;12;13 có bán kính đường tròn ngoại tiếp là:

- A. 6. B. 8. C. $\frac{13}{2}$. D. $\frac{11}{2}$.

Câu 8: Cặp số (2;3) là nghiệm của bất phương trình nào sau đây?

- A. $2x - 3y - 1 > 0$. B. $x - y < 0$. C. $4x > 3y$. D. $x - 3y + 7 < 0$.

Câu 9: Cho hai tập hợp $K = \{1; 2; 3\}$; $H = \{1; 3; 7; 8\}$. Khi đó tập $H \setminus K$ là

- A. $\{2\}$ B. $\{1; 2; 3; 5; 7; 8\}$ C. $\{7; 8\}$ D. $\{2; 7; 8\}$

Câu 10: Cho hai tập hợp $A = \{0; 2; 3; 5\}$ và $B = \{2; 7\}$. Khi đó $A \cap B$

- A. $A \cap B = \{0; 2; 3; 5; 7\}$. B. $A \cap B = \{2\}$.

- C. $A \cap B = \{2; 5\}$. D. $A \cap B = \emptyset$.

Câu 11: Cho mệnh đề “Có một học sinh trong lớp không chấp hành luật giao thông”. Mệnh đề phủ định của mệnh đề này là:

- A. Có một học sinh trong lớp chấp hành luật giao thông.
B. Mọi học sinh trong lớp không chấp hành luật giao thông.
C. Có nhiều hơn một học sinh trong lớp chấp hành luật giao thông.
D. Mọi học sinh trong lớp đều chấp hành luật giao thông.

Câu 12: Bất phương trình nào sau đây là bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

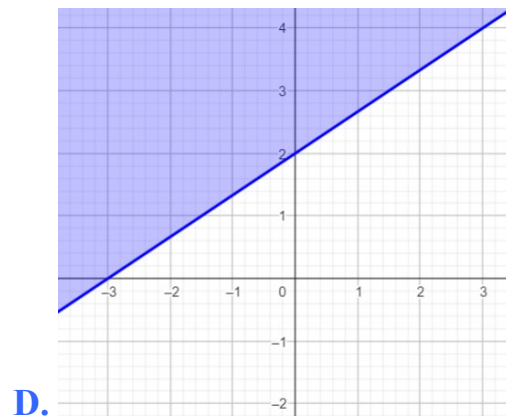
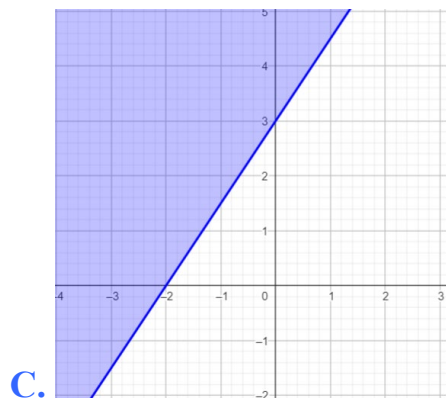
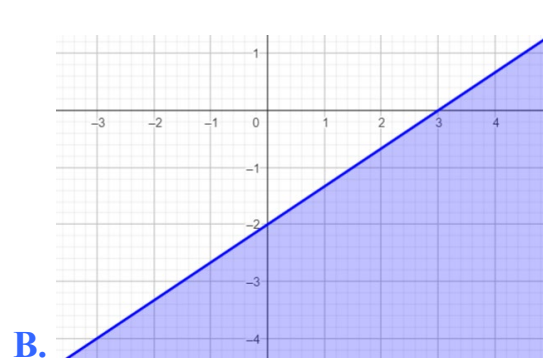
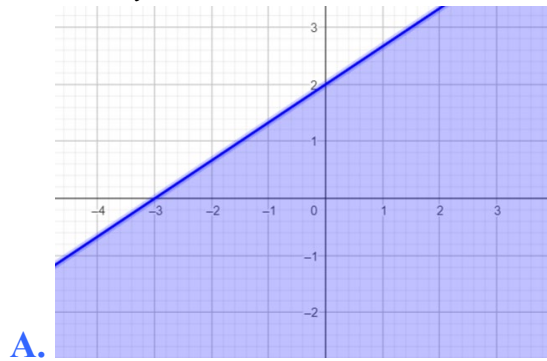
A. $7\sqrt{x} + 3y > 0$

B. $x + 3y^2 < 0$

C. $3y - 2x \geq 0$

D. $\frac{1}{x} + 3y \geq 0$

Câu 13: Phần **tô đậm** (kể cả bờ) trong hình nào dưới đây là miền nghiệm của bất phương trình $2x - 3y + 6 \leq 0$?



Câu 14: Mệnh đề $Q \Rightarrow P$ còn được phát biểu:

A. Q là điều kiện cần để có P

B. Q là điều kiện cần và đủ để có P

C. P là điều kiện cần để có Q

D. P là điều kiện đủ để có Q

Câu 15: Cặp số nào sau đây **không** là nghiệm của bất phương trình $5x - 2(y - 1) \leq 0$?

A. $(0; 1)$.

B. $(1; 3)$.

C. $(-1; 1)$.

D. $(-1; 0)$.

Câu 16: Cho hai tập hợp $A = \{-1; 2; 4; 6\}$, $B = \{1; 2; 3; 4\}$. Tập $A \setminus B$ bằng tập hợp nào sau đây?

A. $\{1; 3\}$.

B. $\{2; 4\}$.

C. $\{-1; 6\}$.

D. $\{6; 1; 3\}$.

Câu 17: Cho mệnh đề: “ $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 + 3x + 5 > 0$ ”. Mệnh đề phủ định của mệnh đề trên là

A. $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 + 3x + 5 < 0$.

B. $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 + 3x + 5 \leq 0$.

C. $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 + 3x + 5 > 0$.

D. $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 + 3x + 5 \leq 0$.

Câu 18: Tìm khẳng định **sai** trong các khẳng định sau:

A. $\cos 30^\circ = \sin 60^\circ$.

B. $\sin 80^\circ > \sin 50^\circ$.

C. $\tan 45^\circ < \tan 60^\circ$.

D. $\cos 75^\circ > \cos 50^\circ$.

Câu 19: Điểm $O(0;0)$ thuộc miền nghiệm của hệ bất phương trình nào sau đây?

- A. $\begin{cases} x+3y-6 > 0 \\ 2x+y+4 > 0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x+3y-6 > 0 \\ 2x+y+4 < 0 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x+3y-6 < 0 \\ 2x+y+4 > 0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} x+3y-6 < 0 \\ 2x+y+4 < 0 \end{cases}$

Câu 20: Cho 2 tập hợp: $X = \{1;3;5;8\}; Y = \{3;5;7;9\}$. Tập hợp $A \cup B$ bằng tập hợp nào sau đây?

- A. $\{1;3;5;7;8;9\}$. B. $\{3;5\}$. C. $\{1;3;5\}$. D. $\{1;7;9\}$.

Câu 21: Trong các đẳng thức sau đây, đẳng thức nào **đúng**?

- A. $\cos(-\alpha) = \cos \alpha$ B. $\sin(-\alpha) = -\cos \alpha$. C. $\tan(-\alpha) = \tan \alpha$. D. $\cot(-\alpha) = -\tan \alpha$

Câu 22: Mệnh đề đảo của mệnh đề $P \Rightarrow Q$ là mệnh đề nào?

- A. $\overline{Q} \Rightarrow \overline{P}$ B. $P \Rightarrow \overline{Q}$ C. $Q \Rightarrow \overline{P}$ D. $Q \Rightarrow P$

Câu 23: Cho A là tập hợp khác $\emptyset$. Trong các mệnh đề sau, tìm mệnh đề **sai**.

- A. $A \cap \emptyset = A$ B. $A \cup \emptyset = A$ C. $\emptyset \subset A$ D. $A \subset A$

Câu 24: Chọn mệnh đề **đúng** trong các mệnh đề sau.

- A. $\exists x \in \mathbb{R} : x-3 = x^2$. B. $\forall x \in \mathbb{R} : |x| = x$. C. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 < 0$. D. $\forall x \in \mathbb{R} : x+1 > x$.

Câu 25: Cho $\triangle ABC$ có $\hat{B} = 60^\circ, a = 8, c = 5$. Độ dài cạnh b bằng:

- A. $\sqrt{129}$. B. 129. C. 49. D. 7.

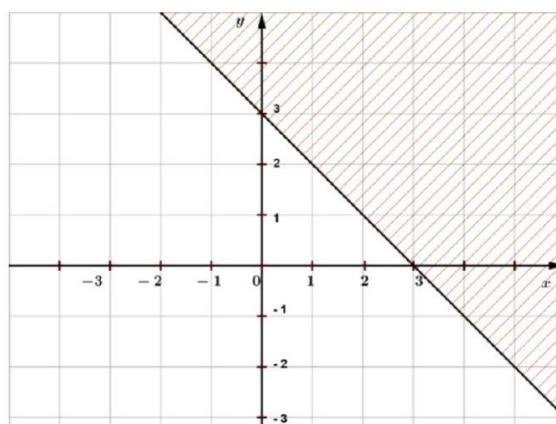
Câu 26: Cho $\triangle ABC$ có $S = 10\sqrt{3}$, nửa chu vi $p = 10$. Độ dài bán kính đường tròn nội tiếp r của tam giác trên là:

- A. 3. B. 2. C. $\sqrt{2}$. D. $\sqrt{3}$.

Câu 27: Giá trị của biểu thức $A = \sin^2 51^\circ + \sin^2 55^\circ + \sin^2 39^\circ + \sin^2 35^\circ$ là

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 28: Bất phương trình bậc nhất hai ẩn nào dưới đây có miền nghiệm là phần **gạch chéo** như hình vẽ? (kể cả đường thẳng)



- A. $x-2y+4 > 0$. B. $x+y-3 \leq 0$. C. $x+y-3 \geq 0$. D. $x-2y+4 \leq 0$.

II- PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm)

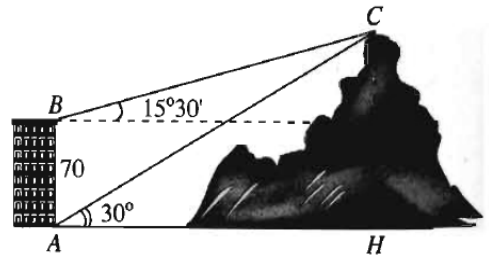
Cho hai tập hợp $A = (-\infty; 3]$ và $B = (-4; +\infty)$. Xác định $A \cap B$; $A \cup B$; $A \setminus B$; $C_{\mathbb{R}} B$.

Bài 2: (1,0 điểm)

Cho x, y thoả mãn hệ bất phương trình
$$\begin{cases} x + 2y - 10 \leq 0 \\ 2x + y - 8 \leq 0 \\ x \geq 0 \\ y \geq 0 \end{cases}$$
. Tìm giá trị lớn nhất $P_{\max}$ của biểu

thức $P = (x; y) = x + 4y - 2$.

Bài 3: (1,0 điểm) Từ hai vị trí A và B của một tòa nhà, người ta quan sát đỉnh C của ngọn núi. Biết rằng độ cao $AB = 70\text{m}$, phương nhìn AC tạo với phương nằm ngang góc 30° , phương nhìn BC tạo với phương nằm ngang góc $15^\circ 30'$. Ngọn núi đó có độ cao so với mặt đất bằng bao nhiêu mét? (Kết quả làm tròn đến mét).



----- HẾT -----

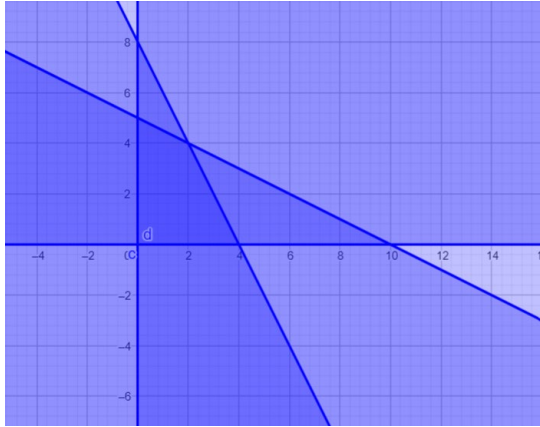
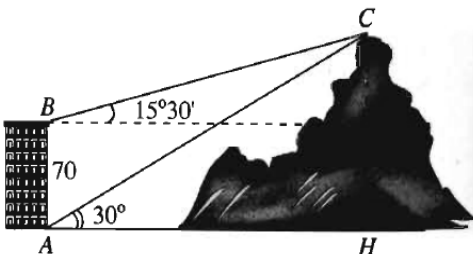
HƯỚNG DẪN CHẤM GHKI TOÁN 10

I. TRẮC NGHIỆM (7.0 ĐIỂM)

MÃ 132	MÃ 134	MÃ 209	MÃ 210
1B	1D	1D	1C
2A	2C	2B	2B
3A	3B	3C	3A
4A	4A	4D	4A
5A	5D	5C	5A
6A	6A	6A	6D
7A	7C	7B	7D
8C	8B	8B	8D
9D	9C	9B	9D
10B	10B	10D	10C
11B	11D	11C	11C
12D	12C	12B	12D
13B	13D	13A	13A
14D	14C	14C	14C
15A	15B	15B	15C
16C	16C	16A	16D
17A	17D	17D	17C
18B	18D	18B	18D
19B	19C	19C	19A
20C	20A	20A	20A
21A	21A	21D	21B
22D	22D	22B	22A
23B	23A	23A	23D
24A	24D	24A	24C
25A	25D	25B	25D
26B	26D	26B	26C
27B	27D	27D	27D
28D	28C	28D	28D

II- PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Bài 1 (1,0 điểm)	Cho hai tập hợp $A = (-\infty; 3]$ và $B = (-4; +\infty)$.	
	$A \cap B = (-4; 3]$	0,25
	$A \cup B = \mathbb{R}$	0,25
	$A \setminus B = (-\infty; -4)$	0,25
	$C_{\mathbb{R}} B = \mathbb{R} \setminus B = (-\infty; -4]$	0,25

Bài 2: (1,0 điểm)	Cho x, y thoả mãn hệ bất phương trình $\begin{cases} x + 2y - 10 \leq 0 \\ 2x + y - 8 \leq 0 \\ x \geq 0 \\ y \geq 0 \end{cases}.$ Tìm giá trị lớn nhất $P_{\max}$ của biểu thức $P = (x; y) = x + 4y - 2$.  Biểu diễn đúng miền nghiệm của hệ BPT là tứ giác OABC với $O(0;0), A(4;0), B(2;4), C(0;5)$. $P(0;0) = -2$ $P(4;0) = 2$ $P(2;4) = 16$ $P(0;5) = 18$ Vậy $P_{\max} = 18$ khi $x = 0, y = 5$	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1,0 điểm)	Từ hai vị trí A và B của một tòa nhà, người ta quan sát đỉnh C của ngọn núi. Biết rằng độ cao $AB = 70\text{m}$, phương nhìn AC tạo với phương nằm ngang góc 30°, phương nhìn BC tạo với phương nằm ngang góc $15^\circ 30'$. Ngọn núi đó có độ cao so với mặt đất bằng bao nhiêu mét? 	

	Từ hình vẽ ta có $\widehat{ABC} = 90^\circ + 15^\circ 30' = 105^\circ 30'$ Xét tam giác ABC có $\widehat{CAB} = 60^\circ$, $\widehat{ABC} = 105^\circ 30'$ ta có: $\widehat{CAB} + \widehat{ABC} + \widehat{ACB} = 180^\circ$ (định lí tổng ba góc trong tam giác) $\Rightarrow \widehat{ACB} = 180^\circ - \widehat{CAB} - \widehat{ABC}$ $\Rightarrow \widehat{ACB} = 180^\circ - 60^\circ - 105^\circ 30' = 14^\circ 30'$. Áp dụng định lí sin trong tam giác ABC, ta có: $\frac{AC}{\sin \widehat{ABC}} = \frac{AB}{\sin \widehat{ACB}}$ $\Rightarrow AC = \frac{AB \cdot \sin \widehat{ABC}}{\sin \widehat{ACB}} = \frac{70 \cdot \sin 105^\circ 30'}{\sin 14^\circ 30'} \approx 269,4(m)$ Tam giác ACH vuông tại H nên ta có: $CH = AC \cdot \sin \widehat{CAH} \approx 269,4 \cdot \sin 30^\circ \approx 134,7(m)$ Vậy ngọn núi cao khoảng 135 m.	0,25
		0,25
		0,25
		02,5